



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số 952/QĐ-VACI ngày 05 tháng 6 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm nghiệm**

Laboratory: *Testing Laboratory*

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC
BIOGREEN**

Holding organization: *BIOGREEN BIOTECHNOLOGY AND PHARMACEUTIAL CHEMISTRY
JOINT STOCK COMPANY*

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Hóa học, Sinh học**

Field of testing: *Chemical, Biological Testing*

Người đại diện/ Representative: **Nguyễn Thị Hạnh**

Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

| TT <i>No.</i> | Họ và tên <i>Full name</i> | Phạm vi được ký (các phép thử) <i>Scope of signature authority (tests)</i> |
|-------------------------|--------------------------------------|--|
| 1. | Vương Phương Hương | Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i> |
| 2. | Nguyễn Thị Hạnh | Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i> |

Số hiệu/Code: **VALAS 138**

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: **26/4/2029**

Địa chỉ công ty/Headquarters:

Số 210C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội, Việt Nam

No.210C, Doi Can street, Ngoc Ha ward, Hanoi city, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location:

Tổ dân phố Chẽ, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Che residential group, Yen The commune, Bac Ninh province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: **0972.876.686**

Email: **kinhdoanh.biogreen@gmail.com**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical testing

| STT No. | Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i> | Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i> | Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i> | Phương pháp thử <i>Test methods</i> |
|------------|--|--|--|--|
| 1. | Nguyên liệu, cao dược liệu, dược liệu <i>Raw materials, medicinal herb extracts, medicinal herbs</i> | Mất khối lượng do làm khô <i>Weight loss due to drying</i> | / | Dược điển Việt Nam V- phụ lục 9.6 <i>Vietnamese Pharmacopoeia V - Appendix 9.6</i> |
| 2. | <i>Raw materials</i> | Đo pH <i>pH</i> | 2-12 | TCVN 6492:2011 |

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh học

Field of testing: Biological testing

| STT No. | Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i> | Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i> | Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i> | Phương pháp thử <i>Test methods</i> |
|------------|--|--|--|--|
| 1. | <i>Raw materials, medicinal herb extracts, medicinal herbs</i> | Thử giới hạn nhiễm khuẩn: <i>Escherichia coli</i> <i>Test for bacterial contamination limits: Escherichia coli</i> | / | TCVN 7924-2:2008 |

Ghi chú/Note:

* Trường hợp Phòng Kiểm nghiệm cung cấp dịch vụ Thử nghiệm, phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the laboratory that before providing the Pharmaceutical testing services, the laboratory must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law.*